TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2024/DS-PT
Ngày: 12 - 7- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán:Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Kiều Kim Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Trung Đến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/7/2024 và ngày 12/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2024/TLPT- DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 401/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phạm Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà F, đường N, Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Lương Thị L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị L là: Chị Nguyễn Nữ Như K, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Tạm trú: Số C, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp) (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024).

2. Nguyễn Công K1, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công K1 là: Anh Dương Nhật Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2024).

- *Người kháng cáo*: Bà Lương Thị L và ông Nguyễn Công K1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà có cho vợ chồng bà Lương Thị L và ông Nguyễn Công K1 vay tiền để mua đất, đáo hạn ngân hàng và sử dụng mục đích riêng với lãi suất 3%/tháng, cụ thể như sau:

+ Biên nhận ngày 22/5/2023 (âm lịch) nhằm ngày 09/7/2023 (dương lịch) số tiền 1.400.000.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 28/5/2023 (âm lịch) nhằm ngày 15/7/2023 (dương lịch) số tiền 1.510.000.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 05/6/2023 (âm lịch) nhằm ngày 22/7/2023 (dương lịch) số tiền 80.000.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 27/8/2023 (âm lịch) nhằm ngày 11/10/2023 (dương lịch) số tiền 30.000.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 09/9/2023 (âm lịch) nhằm ngày 23/10/2023 (dương lịch) số tiền 20.000.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 10/9/2023 (âm lịch) nhằm ngày 24/10/2023 (dương lịch) số tiền 10.000.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 10/9/2023 (âm lịch) nhằm ngày 24/10/2023 (dương lịch) số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng cộng 07 biên nhận là 3.090.000.000 đồng.

Quá thời gian thỏa thuận trả tiền cho bà, nên bà yêu cầu bà Lương Thị L trả lại cho bà số tiền đã mượn. Tuy nhiên, bà Lương Thị L không trả, đề nghị bà cho trả dần hàng năm là 100.000.000 đồng, nếu không đồng ý thì đề nghị bà khởi kiện.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị L và chồng là ông Nguyễn Công K1 phải trả tiền cho bà vốn tổng cộng của 07 biên nhận là 3.090.000.000 đồng và lãi tính từ ngày làm đơn khởi kiện 10/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/02/2024 là 3 tháng 09 ngày x 3.090.000.000 đ x 0,83% = 84.635.100 đồng.

- Bị đơn bà Lương Thị L và ông Nguyễn Công K1 trình bày:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Phạm Thị H thì bà L chỉ đồng ý trả nợ cho bà Phạm Thị H số tiền đã nợ chị H và lãi suất theo quy định. Còn đối với ông Nguyễn Công K1 thì ông không biết việc bà L làm ăn với bà H, ông không có ký tên trong biên nhận vay tiền, cũng như việc vay mượn tiền của bà L đối với bà H không nhằm vào việc làm ăn hay phát triển kinh tế gì đối với hộ gia đình của ông K1 và ông không có liên quan đối với số tiền mà vợ ông là bà L vay của bà H. Do đó, ông K1 không đồng ý cùng liên đới với bà L trả nợ cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 19/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

2. Buộc bà Lương Thị L, ông Nguyễn Công K1 có trách nhiệm cùng nhau liên đới trả cho bà Phạm Thị H, tổng cộng vốn gốc và lãi 3.174.635.100 đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn một trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

+ Ngày 20/02/2024 ông Nguyễn Công K1 làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ông không đồng ý có trách nhiệm liên

đới trả số tiền vay giữa bà L và bà H. Vì ông không biết việc cho vay giữa bà H và bà L cũng như tất cả các biên nhận ông không có ký nợ với bà H.

+ Ngày 21/02/2024 bà Lương Thị L làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Bà không đồng ý Bản án của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà xin phần tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L xem xét lại phần tiền lãi vì tại phiên tòa bà H và bà L đều thừa nhận là bà L có đóng được 60.000.000đ. Chấp nhận kháng cáo của ông K1 về việc ông K1 không có nghĩa vụ liên đới với bà L trả nợ vay và lãi cho bà H số tiền 3.174.635.100đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các biên nhận thì bà Phạm Thị H có cho bà Lương Thị L vay số tiền cụ thể theo các biên nhận như sau:

Biên nhận ngày 22/5/2023 (âm lịch) nhằm ngày 09/7/2023 (dương lịch) số tiền 1.400.000.000 đồng. Biên nhận ngày 28/5/2023 (âm lịch) nhằm ngày 15/7/2023 (dương lịch) số tiền 1.510.000.000 đồng. Biên nhận ngày 05/6/2023 (âm lịch) nhằm ngày 22/7/2023 (dương lịch) số tiền 80.000.000 đồng. Biên nhận ngày 27/8/2023 (âm lịch) nhằm ngày 11/10/2023 (dương lịch) số tiền 30.000.000 đồng. Biên nhận ngày 09/9/2023 (âm lịch) nhằm ngày 23/10/2023 (dương lịch) số tiền 20.000.000 đồng. Biên nhận ngày 10/9/2023 (âm lịch) nhằm ngày 24/10/2023 (dương lịch) số tiền 10.000.000 đồng. Biên nhận ngày 10/9/2023 (âm lịch) nhằm ngày 24/10/2023 (dương lịch) số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng là 3.090.000.000 đồng, được bà L thừa nhận. Vì vậy, bà H yêu cầu bà L trả lại cho bà

số tiền 3.090.000.000 đồng và tính lãi từ ngày bà làm đơn khởi kiện 10/11/2023 đến ngày xét xử sơ 19/02/2024 là 3 tháng 09 ngày x 3.090.000.000 đồng x 0,83% = 84.635.100 đồng. Tổng cộng vốn lãi 3.174.635.100 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng số tiền nêu trên bà cho bà L vay với lãi suất có khoản thì 3%/tháng, có khoản thì 1.500đ/1.000.000đ/ngày bà không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu và bà L không có đóng lãi đầy đủ. Còn chị K đại diện cho bà L cũng thừa nhận bà L vay tiền của bà H với lãi suất như bà H trình bày để cho ông Bùi Huỳnh M ở chung xóm vay lại với lãi suất cao hơn để kiếm lời để phục vụ cho cá nhân. Trong quá trình vay bà L đã trả cho bà H được 60.000.000đ tiền lãi và yêu cầu xin không tính lãi của số của số tiền vay 3.090.000.000đ nêu trên. Đồng thời, bà H cũng thừa nhận có nhận của bà L 60.000.000đ tiền lãi nhưng bà H không đồng ý cho bà L phần tiền lãi. Xét thấy, mặc dù bà H có nhận của bà L 60.000.000đ tiền lãi nhưng nếu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 3.090.000.000đ tính từ ngày vay cho đến ngày bà H khởi kiện thì số tiền lãi mà bà L phải trả cho bà H nhiều hơn 60.000.000đ mà bà H đã nhận của bà L. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét điều chỉnh lại tiền lãi theo quy định của pháp luật cho bà L. Cho nên, việc bà L xin phần tiền lãi là không có căn cứ.

[2] Xét việc ông K1 không đồng ý liên đới với bà L trả nợ cho bà H cho thấy: Mặc dù ông K1 không vay tiền bà H, không ký tên vào biên nhận nhưng việc bà L vay tiền nhiều lần, trong thời gian dài. Bà L thừa nhận ngoài việc làm nội trợ trong gia đình thì không làm ăn kinh tế riêng bà L và ông K1 vẫn trong thời kỳ hôn nhân không có ly thân hoặc ly hôn. Bà L cũng không chứng minh được số tiền vay chỉ sử dụng vào mục đích cá nhân bà nên ông K1 phải biết và có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền gốc và lãi là 3.174.635.100 đồng mới phù hợp.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà L và ông K1 cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp nên không chấp nhận.

Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên nên không chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L và ông K1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên bà L và ông K1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Bộ luật Tố tụng dân sự;; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị L và ông Nguyễn Công K1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 19/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

4. Buộc bà Lương Thị L và ông Nguyễn Công K1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H, tổng cộng vốn và lãi là 3.174.635.100 đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.Về án phí:

- Bà Lương Thị L và ông Nguyễn Công K1 liên đới chịu 95.493.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tiền án phí được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005385 và số 0005386 cùng ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tháp Mười.

- Bà Phạm Thị H được nhận lại 97.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002586 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tháp Mười.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nguyễn Tấn Tặng – Kiều Kim Xuân **Sỹ Danh Đạt**

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt